PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Autowave MM 333P White Pearl

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất) : Autowave MM 333P White Pearl

SDS code : S10331

Sử dụng hóa chất theo đúng các khuyến cáo và qui định hạn chế sử dụng

Mục đích sử dụng
Dùng trong công nghiệp

Giới hạn sử dụng
Consumer use

Nhà sản xuất : PT Akzo Nobel Car Refinishes Indonesia
Jalan Raya Pulogadung No. 37
Kawasan Industry Pulogadung
Jakarta 13015
Telpon +62 21 461 0191
Fax +62 21 461 0190
www.sikkensvr.com

Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm đối với bảng SDS này : PSRA_SSH@akzonobel.com

Số điện thoại khẩn cấp : + 31 (0)71 308 6944

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Mức xếp loại nguy hiểm : ĂN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 3
NHẠY DA - Loại 1

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ : Gây kích ứng da nhẹ.
Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.

Các công bố về phòng ngừa

Ngăn chặn : Mang găng tay bảo hộ. Tránh hít thở hơi. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc.

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phản ứng : NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại. Nếu xảy ra kích ứng hoặc mẩn đỏ da: Hãy tìm chăm sóc y tế.

Lưu trữ : Không áp dụng.

Xử lý : Phải bỏ sơn và thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Không biết chất nào.

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế : Hỗn hợp

Tên thành phần nguy hiểm	%	Số CAS
2-Butoxyethanol	<10	111-76-2
triisobutyl phosphate	≤1	126-71-6

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt : Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nếu dị ứng không giảm, phải có chăm sóc y tế.

Hít phải : Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

Tiếp xúc ngoài da : Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.

Nuốt phải : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Hít phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tiếp xúc ngoài da : Gây kích ứng da nhẹ. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Nuốt phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ

Hít phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Tiếp xúc ngoài da : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ

Nuốt phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.

Điều trị cụ thể : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.

Bảo vệ nhân viên sơ cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp : Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.

Các chất chữa cháy không phù hợp : Không biết chất nào.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất : Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ.

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm : Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
carbon dioxit
carbon monoxit
ôxit kim loại

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Cho các nhân viên cấp cứu : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục "Cho người không phải nhân viên cấp cứu".

Đề phòng cho môi trường : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhậy cảm. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Tránh hít hơi hay sương. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
2-Butoxyethanol	**ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2019).** TWA: 20 ppm 8 giờ.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

Bảo vệ mắt : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng hắt vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính chống văng hóa chất.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất găng cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.

Bảo vệ thân thể : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.

Biện pháp bảo vệ da khác : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Bảo vệ hô hấp : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Bề ngoài

Trạng thái vật lý : Chất lỏng.

Màu sắc : Không có sẵn.

Mùi : Không có sẵn.

Ngưỡng về mùi : Không có sẵn.

pH : Không có sẵn.

Điểm chảy/điểm đông : Không có sẵn.

Điểm sôi và vùng nhiệt độ sôi ban đầu : 100°C

Điểm bùng cháy : Cốc đậy kín: 101°C [Sản phẩm không duy trì sự cháy.]

Tỷ lệ hóa hơi : Không có sẵn.

Khả năng cháy : Không có sẵn.

Giới hạn nổ trên và dưới/giới hạn cháy : Không áp dụng.

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Áp suất hóa hơi : Không có sẵn.

Mật độ hơi tương đối : Trị số cao nhất được biết: 4.1 (Không khí = 1) (2-Butoxyethanol).

Mật độ tương đối : 1.055

(Các) độ tan : Không có sẵn.

Hệ số phân chia nước/Octanol : Không có sẵn.

Nhiệt độ tự cháy : Không có sẵn.

Nhiệt độ phân hủy : Không có sẵn.

Tính dẻo : Động lực học (nhiệt độ phòng): 5.69 cm^2/s

Thuộc tính nổ : Không có sẵn.

Thuộc tính oxy hóa : Không có sẵn.

Độ hòa tan trong nước : Không có sẵn.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

Khả năng gây các phản ứng nguy hại : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.

Tình trạng cần tránh : Không có thông tin cụ thể gì.

Các vật liệu không tương thích : Không có thông tin cụ thể gì.

Sản phẩm phân rã có mối nguy : Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thối rữa.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
2-Butoxyethanol	LC50 Hít phải Khí.	Chuột	700 ppm	7 giờ
	LC50 Hít phải Khí.	Chuột	450 ppm	4 giờ
	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	3380 mg/m^3	7 giờ
	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	2900 mg/m^3	7 giờ
	LD50 Ngoài da	Chuột thí nghiệm	230 uL/kg	-
	LD50 Ngoài da	Thỏ	220 mg/kg	-
	LD50 Vào trong màng bụng	Chuột	536 mg/kg	-
	LD50 Vào trong màng bụng	Thỏ	220 mg/kg	-
	LD50 Vào trong màng bụng	Chuột	220 mg/kg	-
	LD50 Vào trong tĩnh mạch	Chuột	1130 mg/kg	-
	LD50 Vào trong tĩnh mạch	Thỏ	252 mg/kg	-
	LD50 Vào trong tĩnh mạch	Chuột	307 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột thí nghiệm	1200 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	1230 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	1167 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Thỏ	300 mg/kg	-

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

	LD50 Đường miệng	Thỏ	320 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	917 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	250 mg/kg	-
	LD50 Không thấy báo cáo về đường phơi nhiễm	Chuột	1050 mg/kg	-
	LD50 Không thấy báo cáo về đường phơi nhiễm	Chuột	917 mg/kg	-
triisobutyl phosphate	LD50 Đường miệng	Chuột	>5 g/kg	-

Kích ứng/Ăn mòn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
2-Butoxyethanol	Mắt - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	24 giờ 100 mg	-
	Mắt - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Thỏ	-	100 mg	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	500 mg	-
triisobutyl phosphate	Mắt - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	100 Ul	-
	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	500 Ul	-

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến

Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Hít phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tiếp xúc ngoài da : Gây kích ứng da nhẹ. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.

Nuốt phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tiếp xúc mắt : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ

Hít phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Tiếp xúc ngoài da : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ

Nuốt phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.

Tổng quát : Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.

Tính gây ung thư : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính đột biến : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính gây quái thai : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Ảnh hưởng khả năng sinh sản : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Lộ trình	Giá trị ATE (ước tính độ độc cấp tính)
Đường miệng Hít vào (các chất hơi)	6716.2 mg/kg 147.8 mg/l

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
2-Butoxyethanol	Cấp tính EC50 >1000 mg/l Nước ngọt Cấp tính LC50 800000 µg/l Nước biển Cấp tính LC50 1490000 µg/l Nước ngọt Cấp tính LC50 1250000 µg/l Nước biển	Daphnia - Daphnia magna Loài tôm cua - Crangon crangon Cá - Lepomis macrochirus Cá - Menidia beryllina	48 giờ 48 giờ 96 giờ 96 giờ

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độ bền và khả năng phân hủy

Không có sẵn.

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	$LogP_{ow}$	BCF	Tiềm năng
2-Butoxyethanol	0.81	-	thấp

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (K_{OC}) : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	Không quản lý.	Not regulated.	Not regulated.
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	-	-	-
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	-	-	-
Quy cách đóng gói	-	-	-
Mối nguy cho môi trường	Không.	Marine Pollutant(s): Not available.	No.

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO : Không có sẵn.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Lịch sử

Ngày in : 15 Tháng Ba 2024

Ngày phát hành/ Ngày hiệu chỉnh : 17 Tháng Tám 2023

Ngày phát hành lần trước : 16 Tháng Tám 2023

Phiên bản : 1.11

Bảng từ viết tắt : ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
IBC = Côngtenơ khổ trung
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
UN = Liên hợp quốc

Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Phân loại	Cơ sở lý luận
ĂN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 3 NHẠY DA - Loại 1	Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán

Tham khảo : Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Thông tin trong bảng dữ liệu này (có thể được sửa đổi theo từng thời điểm) không dự trù được đầy đủ mọi khía cạnh và có độ tin cậy nhất định và được cho là đúng lúc nó được soạn thảo. Trách nhiệm của người sử dụng là xác minh rằng bảng dữ liệu này là hiện hành trước khi sử dụng sản phẩm mà nó liên quan.

Người sử dụng thông tin phải tự quyết định về sự phù hợp của sản phẩm có liên quan với mục đích của họ trước khi sử dụng. Trường hợp những mục đích này khác với những khuyến cáo cụ thể trong bảng dữ liệu an toàn này thì người sử dụng sẽ tự chịu rủi ro khi dùng sản phẩm.

KHUYẾN CÁO TỪ NHÀ SẢN XUẤT: các điều kiện, phương pháp và các yếu tố ảnh hưởng đến việc xử lý, lưu trữ, ứng dụng, sử dụng và hủy sản phẩm không thuộc thẩm quyền và kiến thức của nhà sản xuất. Do đó nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự kiện bất lợi nào có thể xảy ra trong việc xử lý, cất giữ, ứng dụng, sử dụng, lạm dụng hoặc hủy sản phẩm và, cho đến khi được luật pháp cho phép, nhà sản xuất sẽ từ chối trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ và tất cả các mất mát, thiệt hại và / hoặc chi phí phát sinh từ hoặc bằng cách nào đó liên quan đến việc lưu giữ, xử lý, sử dụng hoặc hủy sản phẩm. Việc xử lý, lưu trữ, sử dụng và hủy an toàn là trách nhiệm của người sử dụng. Người sử dụng phải tuân thủ tất cả các luật về sức khoẻ và an toàn hiện hành.

Trừ khi chúng tôi đã đồng ý ngược lại, tất cả các sản phẩm được cung cấp bởi chúng tôi tuân theo các điều khoản và điều kiện kinh doanh chuẩn của chúng tôi, bao gồm các giới hạn về trách nhiệm pháp lý. Hãy đảm bảo tham khảo những điều khoản này và / hoặc thỏa thuận liên quan mà bạn có với AkzoNobel (hoặc chi nhánh của nó, tùy từng trường hợp).
© AkzoNobel

IA_493